

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 23-5-2023.

V/v “tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lâm Thị Loan Em.

- Ông Nguyễn Văn Dạng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh V, sinh ngày 01/01/1975. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà Quách Thị Thu A, sinh ngày 01/01/1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2022 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Thanh V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh V và bà Quách Thị Thu A chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân vào năm 2012, giữa ông và bà A thường xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2019 cho đến nay, ông V yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Quách Thị Thu A không có văn bản cung cấp lời khai.*

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn, nguyên đơn phải chịu án phí 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn bà Quách Thị Thu A nhưng bà A đều vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh V và bà Quách Thị Thu A tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng qua lời trình bày của nguyên đơn, qua việc xác minh cho thấy ông V và bà A thực tế có phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau. Từ khi ông V yêu cầu ly hôn cho đến nay bà A không đến để hòa giải, cũng không có văn bản phản đối việc ly hôn. Như vậy cho thấy mâu thuẫn đến nay vẫn không giải quyết được, nếu tiếp tục kéo dài là không thể mang lại hạnh phúc, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho ông V được ly hôn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Ông Trần Thanh V là người khởi kiện nên phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trần Thanh V được ly hôn với bà Quách Thị Thu A.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ việc ly hôn.

Về án phí: Nguyên đơn ông Trần Thanh V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp theo biên lai thu số 0002920 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, ông V đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Trịnh Thị Bích Phượng

